

Bản án số: 861/2024/DS-PT

Ngày: 26 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản, hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Cầu

Ông Hoàng Minh Thịnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
212/2024/TLPT-DS ngày 20-03-2024 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản, hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân
dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5217/2024/QĐPT ngày 30 tháng 8
năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Quảng Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C,
tỉnh Bến Tre. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Châu T – Luật
gia thuộc Hội luật gia Việt Nam tỉnh B. Vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Ngô Thị C, sinh năm 1966. Có mặt.

2. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1954. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị C: Ông Ngô Văn B, sinh năm: 1956. Trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị N: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A, đường Đ, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Giao Y, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số B, S . O, St . S, CA 92707, USA. Vắng mặt.

2. Ông Ngô Phước K, sinh năm 1968. Vắng mặt.

3. Bà Ngô Thị B1, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A. Vienna D. Grove CA 92840, USA.

4. Ông Trần Văn C1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt ngày 19 vắng mặt ngày tuyên án.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Y1, bà Ngô Thị B1, ông Trần Văn C1: Ông Ngô Văn B, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Phước K: Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1960. Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

5. Bà Ngô Thị Bích N1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Wupiyu C.No 159 Zuwei RD New Taipei city X R.O.C, Đài Loan. Vắng mặt.

6. Ông Ngô Văn B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

7. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1960. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông H1: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A, đường Đ, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Võ Thanh D - Luật sư Công ty TNHH P2. Địa chỉ: Số C đường Đ, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

9. Ông Ngô Quân T1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

10. Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1964. Vắng mặt.

11. Anh Ngô Tấn P1, sinh năm 1991. Vắng mặt.

12. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N2, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của P, P1, Như: Ông Ngô Quỳnh Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

13. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thành N3 – Giám đốc chi nhánh V1 đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Quỳnh Đ trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Ngô Giao T2 (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị Đ1 (chết năm 2017) có tất cả 10 người con, gồm: Ngô Quỳnh Đ, Ngô Thị C, Ngô Thị N, Ngô Y1 (Koby N), Ngô Phước K(P), Ngô Thị B1, Ngô Thị Bích N1, Ngô Văn B, Ngô Thị H và Ngô Quân T1.

Cha mẹ ông chết để lại tài sản gồm 02 thửa đất: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m² tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do vợ chồng ông cùng các con của ông đang trực tiếp quản lý sử dụng; Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do vợ chồng bà Ngô Thị C, ông Trần Văn C1 đang trực tiếp quản lý sử dụng. Cả 02 thửa đất này hiện bà H đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc cha ông còn sống đã lập di chúc để lại 02 thửa đất này cho ông, tuy nhiên, ông không thể cung cấp di chúc cho Tòa án được do các anh chị em của ông đã cố tình giấu.

Sau khi cha của ông chết thì vợ chồng ông vẫn sống chung với mẹ ông trong căn nhà thờ do cha mẹ ông xây dựng trên thửa đất số 76 và phụng dưỡng cho mẹ. Sau khi mẹ ông qua đời thì các anh chị em của ông đã tìm cách xua đuổi vợ chồng và các con ông ra khỏi căn nhà này. Năm 2017, ông phải ra cát nhà riêng để ở trên một thửa đất khác mà ông đã được cha mẹ cho trước đó.

Ông cho rằng không có việc mẹ ông lập hợp đồng chuyển nhượng phần đất thửa 98, tờ bản đồ số 6 cho bà H, cũng như không có việc mẹ ông lập hợp đồng tặng cho bà H thửa 76, tờ bản đồ số 7, vì thời điểm đó mẹ ông đã già yếu, không còn minh mẫn.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 21/3/2017 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 với bà Ngô Thị H đối với phần đất thửa số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 21/3/2017 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 với bà Ngô Thị H đối với phần đất thửa số 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 970467 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Ngô Thị H vào ngày 04/4/2017 đối với phần đất thửa số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 970466 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Ngô Thị H vào ngày 04/4/2017 đối với phần đất thửa số 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Chia thừa kế cho ông toàn bộ phần đất thửa số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.687,1m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Chia thừa kế cho ông một phần đất theo đo đạc có diện tích là 1.228,9m² đất thửa số 76, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cùng các tài sản có trên phần diện tích này.

Ông yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị, một phần căn nhà nếu được chia theo yêu cầu, ông sẽ ngăn ra để sử dụng. Đối với các tài sản vật dụng trong nhà ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá của Tòa án để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Một số tài sản có trên đất qua thẩm định và đo đạc có thể hiện nhưng không được định giá, phần này ông cũng không yêu cầu định giá bổ sung. Đây đều là tài sản của cha mẹ để lại. Nếu khi Tòa án giải quyết chia phần đất có tài sản đó cho ai thì người đó được hưởng, không phải hoàn trả giá trị cho những người còn lại.

Ông thống nhất với số tiền đã chi cho việc thu thập chứng cứ, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Thị N trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông Ngô Quanh Đ về quan hệ huyết thống và thời gian cha mẹ qua đời.

Lúc cha mẹ bà còn sống đã chia đất cho 06 người con sinh sống ở Việt Nam xong, ai cũng có phần riêng. Còn lại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thì sau khi cha bà qua đời, mẹ của bà là bà Nguyễn Thị Đ1 đã lập di chúc cho những người con sinh sống ở nước ngoài, cụ thể: Phần đất thửa 76, cụ Đ1 lập di chúc cho ông Ngô Phước K và bà Ngô Thị Bích N1 (do bà Ngô Thị H đứng tên thay trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); Phần đất thửa 98, cụ Đ1 lập di chúc cho ông Ngô Yết . Tuy nhiên, do ông Ngô Y1 có ý định sẽ định cư lâu dài ở nước ngoài nên ông Ngô Y1 đã bàn với cụ Đ1 là chuyển nhượng phần đất này cho bà Ngô Thị H. Hiện bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá của Tòa án để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Một số tài sản có trên đất qua thẩm định và đo đạc có thể hiện nhưng không được định giá, phần này bà cũng không yêu cầu định giá bổ sung. Đây đều là tài sản của cha mẹ để lại. Nếu khi Tòa án giải quyết chia phần đất có tài sản đó cho ai thì người đó được hưởng, không phải hoàn trả giá

trị cho những người còn lại.

Bà thống nhất với số tiền đã chi cho việc thu thập chứng cứ, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số tiền này cũng như giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngô Thị C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, ông Ngô Y1, bà Ngô Thị B1 và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Ngô Văn B trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của bà Ngô Thị N về quan hệ huyết thống, thời gian cha mẹ qua đời và việc lập di chúc của mẹ ông. Ông thừa nhận lúc cha mẹ ông còn sống đã chia đất cho những người con sinh sống ở Việt Nam xong, mỗi người đều có phần riêng, con gái mỗi người được chia khoảng 1.000m², con trai mỗi người được chia khoảng 1.500m², đất đều tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, riêng ông Đ được chia hơn 2.000m² đất mặt tiền huyện lộ 173 (nay là thửa 63, tờ bản đồ số 7). Còn lại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thì sau khi cha ông qua đời, mẹ của ông là bà Nguyễn Thị Đ1 đã lập di chúc cho những người con sinh sống ở nước ngoài như lời bà Ngô Thị N đã trình bày. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của ông Đ ông không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá của Tòa án để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Một số tài sản có trên đất thẩm định và đo đạc có thể hiện nhưng không được định giá, phần này ông cũng không yêu cầu định giá bổ sung. Đây đều là tài sản của cha mẹ để lại. Nếu khi Tòa án giải quyết chia phần đất có tài sản đó cho ai thì người đó được hưởng, không phải hoàn trả giá trị cho những người còn lại.

Ông thống nhất với số tiền đã chi cho việc thu thập chứng cứ, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H là ông Phạm Quốc V trình bày:

Bà H thống nhất như lời trình bày của ông Đ về mối quan hệ huyết thống gia đình, thời gian cha mẹ chết và việc quản lý, sử dụng đất. Việc chia đất như ông B trình bày.

Hai thửa đất mà ông Đ đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ cụ Đ1 để lại cho cụ Đ1, không phải là tài sản chung của cụ T2 và cụ Đ1.

Đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, lúc cụ Đ1 còn sống có làm di chúc cho ông Ngô Y1 toàn bộ phần đất này. Tuy nhiên, do ông Ngô Y1 đang ở nước ngoài nên cụ Đ1 có cho ông Ngô Quảng Đ mượn đất để trồng cỏ chăn nuôi và nói khi nào ông Ngô Y1 về nước thì ông Đ phải trả lại. Sau đó, ông Ngô Y1 đã định cư ổn định ở Mỹ không có ý định về Việt Nam nên đã bàn bạc với cụ Đ1 là chuyển nhượng phần đất

này cho bà H. Việc chuyển nhượng có làm hợp đồng, có công chứng theo quy định của pháp luật, giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Bà H đã giao đủ tiền cho cụ Đ1. Ngày 04/4/2017, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này. Do cụ Đ1 lớn tuổi nên các anh chị em của bà H (trừ ông Đ và ông T1) có bàn bạc với nhau là để bà H giữ số tiền chuyển nhượng 300.000.000 đồng nêu trên để lo cho cụ Đ1 từ khi cụ Đ1 còn sống đến khi chết và lo tang chế của cụ Đ1. Sau khi cụ Đ1 chết, bà H có trình bày rõ nguồn tiền trên cho anh chị em trong gia đình được biết (trừ ông Đ và ông T1) và không ai có ý kiến gì.

Do là chị em nên sau khi chuyển nhượng đất từ cụ Đ1, bà H vẫn để cho ông Đ sử dụng đất để trồng cỏ chăn nuôi như trước đây. Bà H có nói là khi nào cần sử dụng đất thì ông Đ phải trả lại cho bà nhưng đến nay bà H đã đòi nhiều lần mà ông Đ vẫn không trả.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Quanh Đ, bà Trần Thị Kim P, anh Ngô Tấn P1 và chị Nguyễn Thị Huỳnh N2 phải trả cho bà H phần đất thửa số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vì đất này bà H đã chuyển nhượng hợp pháp từ cụ Đ1.

Đối với phần đất thửa số 76, tờ bản đồ số 7, bà H cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đ1 với bà H. Phần đất này cụ Đ1 có di chúc để lại cho bà Ngô Thị Bích N1 và ông Ngô Phước K nhưng do bà N1 và ông K ở nước ngoài, không đủ điều kiện đứng tên quyền sử dụng đất ở Việt Nam nên thỏa thuận nhờ bà H đứng tên và quản lý thay, khi nào bà N1 và ông K về Việt Nam sinh sống thì bà H sẽ giao trả lại đất cho bà N1 và ông K. Vì vậy, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Bà H đồng ý với kết quả đo đạc, định giá của Tòa án để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Một số tài sản có trên đất qua thẩm định và đo đạc có thể hiện nhưng không được định giá, phần này bà cũng không yêu cầu định giá bổ sung. Đây đều là tài sản của cha mẹ để lại. Nếu khi Tòa án giải quyết chia phần đất có tài sản đó cho ai thì người đó được hưởng, không phải hoàn trả giá trị cho những người còn lại.

Bà H thống nhất với số tiền đã chi cho việc thu thập chứng cứ, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Phước K, bà Ngô Thị Bích N1 là bà Ngô Thị H trình bày:

Bà thống nhất như trình bày của các đương sự về mối quan hệ huyết thống gia đình, thời gian cha mẹ chết. Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre là tài sản của bà Nguyễn Thị Đ1. Khi còn sống, cụ Đ1 đã lập di chúc cho ông Ngô Phước K và bà Ngô Thị Bích N1 thừa đất số 76, tờ bản đồ số 7 nhưng do bà N1 và ông K ở nước ngoài, không đủ điều kiện đứng tên quyền sử dụng đất ở Việt Nam nên thỏa thuận nhờ bà đứng tên và quản lý thay, khi nào bà N1 và ông K về Việt Nam sinh sống thì bà sẽ giao trả lại đất cho bà N1 và ông K. Còn đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, cụ Đ1 đã lập di chúc chia

cho ông Ngô Yết p này, sau đó, ông Ngô Y1 và cụ Đ1 đã chuyển nhượng lại cho bà H. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì bà N1 và ông K không đồng ý.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quân T1 trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của ông Ngô Quảnh Đ về mối quan hệ huyết thống gia đình, thời gian cha mẹ chết và việc quản lý, sử dụng đất.

Ông cho rằng không có việc mẹ ông đã chuyển nhượng phần đất thửa 98, tờ bản đồ số 6 cho bà H, cũng như không có việc tặng cho bà H thửa 76, tờ bản đồ số 7 vì thời điểm đó mẹ ông đã già yếu, không còn minh mẫn (87 tuổi).

Phần đất thửa số 76, tờ bản đồ số 7, theo ông được biết khi cha mẹ ông còn sống đã có ý kiến cho ông Ngô Phước K phần đất này, ông không tranh chấp. Nếu được chia thừa kế một phần đất trong thửa này, ông cũng không nhận mà giao lại cho ông K. Còn phần đất thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án của Tòa án, ông không có ý kiến.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị H tại thửa số 98, tờ bản đồ số 6 và thửa 76, tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ hủy. Việc giải quyết như thế nào sẽ do Tòa án xem xét quyết định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

Căn cứ vào các điều 609, 612 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 99 Luật đất đai năm 2013; Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quảnh Đ về việc chia thừa kế di sản của cụ Ngô Giao T2 và cụ Nguyễn Thị Đ1 đối với phần di sản là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m² và thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², đất cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể:

- Buộc bà Ngô Thị H chia cho ông Ngô Quảng Đ diện tích (ký hiệu là thửa 98-A) thuộc một phần đất thửa 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông Đ sở hữu toàn bộ cây trồng có trên đất phần diện tích đất này. Ông Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc tách thửa và điều chỉnh tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

- Bà Ngô Thị H được tạm giao quản lý, sử dụng nhận phần đất có diện tích 1122.1m² thuộc một phần thửa 98, tờ bản đồ số 6 (ký hiệu là thửa 98-B) và các cây trồng trên đất.

- Bà Ngô Thị H được quản lý sử dụng phần đất thửa 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m² cùng cây trồng và các công trình kiến trúc trên đất.

Các ông bà Ngô Thị C, Ngô Thị N, Ngô Y1 (Koby N), Ngô Phước K (P), Ngô Thị B1, Ngô Thị Bích N1, Ngô Văn B, Ngô Quân T1 có yêu cầu được nhận thừa kế (bao gồm phần còn lại của thửa 98, tờ bản đồ số 6 và phần chênh lệch của thửa 76, tờ bản đồ số 7 so với kỹ phân mà bà H được nhận) thì được quyền khởi kiện trong một vụ án khác để được giải quyết.

- Buộc bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Quảng Đ giá trị cây trồng là 43.024.500 đồng (bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

(Tất cả các phần đất trên đều có họa đồ kèm theo)

- Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 21/3/2017 về việc chuyển nhượng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre từ bà Nguyễn Thị Đ1 cho bà Ngô Thị H và hợp đồng đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất lập ngày 21/3/2017 về việc tặng cho thửa đất số 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre từ bà Nguyễn Thị Đ1 cho bà Ngô Thị H vô hiệu một phần.

Ghi nhận các bên không yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả của các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 21/3/2017 từ cụ Nguyễn Thị Đ1 cho bà Ngô Thị H đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và hợp đồng đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất lập ngày 21/3/2017 từ cụ Nguyễn Thị Đ1 cho bà Ngô Thị H đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m², tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do vô hiệu một phần.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quảng Đ về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 970467 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 970466 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Ngô Thị H vào cùng ngày 04/4/2017 đối với các phần đất thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.693,5m² và thửa số 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.416,5m², đất cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

[2] Chấp nhận 01 phần yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị H: Buộc ông Ngô Quảng Đ, bà Trần Thị Kim P, anh Ngô Tấn P1 và chị Nguyễn Thị Huỳnh N2 phải trả lại cho bà Ngô Thị H và các ông bà ông bà Ngô Thị C, Ngô Thị N, Ngô Y1 (Koby N), Ngô Phước K

(P), Ngô Thị B1, Ngô Thị Bích N1, Ngô Văn B, Ngô Quân T1 quyền sử dụng diện tích đất 1122.1m² thuộc một phần thửa 98, tờ bản đồ số 6 (ký hiệu là thửa 98-B), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/12/2023, nguyên đơn – ông Ngô Quanh Đ2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ngày 21/12/2023, bị đơn – bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ngày 21/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không rút đơn yêu cầu độc lập các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – ông Ngô Quanh Đ trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông Đ khai hoang. Do cha ông Đ là người hoa nên mới để một mình mẹ ông Đ đứng tên. Phần đất đang tranh chấp cha mẹ Điền ông chưa chia cho ai, đồng thời ông Đ là người ở với cha mẹ từ bé đến lớn và là người chăm sóc cho cha mẹ. Do đó cần chia thừa kế và cần tính công sức của ông Đ. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người kháng cáo – bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất là do cha mẹ của bà Đ1 để lại cho bà Đ1, không phải do ông T2, bà Đ1 tạo lập. Phía bị đơn không tự thu thập chứng cứ được nên không thể cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất là do bà Đường đ tặng cho riêng, đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ, xác minh nguồn gốc đất và giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, lúc còn sống ông T2, bà Đ1 đã chia đất cho 7 người con sinh sống ở Việt Nam xong, ai cũng có phần riêng, con gái mỗi người được khoảng 1.000m², con trai mỗi người được khoảng 1.500m², đất đều tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, riêng ông Đ được chia hơn 2.000m² đất mặt tiền huyện lộ 173 (nay là thửa 63, tờ bản đồ số 7). Đề nghị thu thập nguồn gốc thửa đất số 63 mà cha mẹ đã chia cho ông Đ. Không đồng ý chia thừa kế vì đất tranh chấp là tài sản riêng của cụ Đ1 và đã được cấp GCNQSDĐ đúng quy định. Đối với yêu cầu chia theo công sức đóng góp của ông Đ, ông Đ không phải người trực tiếp nuôi mẹ, căn nhà của mẹ là do các anh em gia đình bỏ tiền, bỏ sức để xây lên, các cây cối công trình đều có đóng góp của mọi người, ông Đ cũng đã nhận được hoa lợi từ trên đất,

do đó yêu cầu này là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà C và bà N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người kháng cáo – bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữ nguyên lời trình bày như ở giai đoạn tố tụng sơ thẩm, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H và ông H1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Kim P, ông Ngô Tấn P1, bà Nguyễn Thị Huỳnh N2 có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn Đ3, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ3, không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 là có cơ sở. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, phía người kháng cáo không đưa ra được tình tiết, chứng cứ nào mới có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn Đ3, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn Đ3, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật là hợp lệ nên đủ điều kiện để thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Ngô Văn Đ3, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1

[3.1] Ông Ngô Giao T2 (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị Đ1 (chết năm 2017) có 10 người con chung gồm: Ông Ngô Quảnh Đ, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, ông Ngô Y1, ông Ngô Phước K, bà Ngô Thị B1, bà Ngô Thị Ngọc B2, ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị H và ông Ngô Quân T1.

[3.2] Ông Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với thừa đất số 76, 98, yêu cầu hủy HĐ chuyển nhượng, tặng cho giữa bà Đ1 và bà H ngày 21/3/2017, hủy GCN QSDĐ số CS01821, CS01848 do Sở T cấp cho bà H ngày 04/4/2017. Bà Ngô Thị H có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Đ phải trả thừa đất số 98 cho bà H. Do đó, xác định đối tượng tranh chấp trong vụ án là 4.110m² thuộc thừa đất số 76 (2.416,5m²) và thừa đất số 98 (1.693,5m²) tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

[3.3] Các ông, bà Ngô Thị C, Ngô Thị N, Ngô Y1, Ngô Phước K, Ngô Thị B1, Ngô Thị Ngọc B2, Ngô Văn B, Ngô Thị H (8/10 người thừa kế) cùng trình bày: Lúc còn sống ông T2, bà Đ1 đã chia đất cho 7 người con sinh sống ở Việt Nam xong, ai cũng có phần riêng, con gái mỗi người được khoảng 1.000m², con trai mỗi người được khoảng 1.500m², đất đều tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, riêng ông Đ được chia hơn 2.000m² đất mặt tiền huyện lộ 173 (nay là thừa 63, tờ bản đồ số 7). Còn thừa đất số 76 và 98 bà Đ1 đã lập di chúc để lại cho 03 người con sinh sống ở nước ngoài. Bà Đ1 cho ông Y1 thừa 98 nhưng do ông Y1 ở nước ngoài nên cho ông Đ mượn để trồng cỏ chăn nuôi, sau đó ông Y1 quyết định định cư tại Mỹ không về Việt Nam nên chuyển nhượng lại thừa 98 cho bà H, năm 2017 cụ Đ1 đã lập HĐ chuyển nhượng thừa 98 cho bà H với giá 300.000.000 đồng, bà H đã giao 300.000.000 đồng cho bà Đ1 để bà Đ1 dưỡng già và bà H đã được cấp GCN QSDĐ, do là chị em nên sau khi nhận chuyển nhượng bà H vẫn để cho ông Đ tiếp tục trồng cỏ. Đối với thừa đất số 76 bà Đ1 cho bà B2 và ông K nhưng do bà B2, ông K ở nước ngoài không đứng tên GCN được nên nhờ bà H đứng tên giùm, bà Đ1 đã lập HĐ tặng cho bà H và bà H đã được cấp GCN, đồng thời bà H có lập Văn bản xác nhận đứng tên giùm thừa đất số 76 cho bà B2 và ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Quảnh Đ thừa nhận trước đây cha mẹ có cho ông Đ2 một thừa đất khác ngoài phần đất đang tranh chấp, năm 2017 ông Đ cất nhà ở trên phần đất được cho.

Ông Ngô Quân T1 trình bày: Thừa đất số 76 khi cha mẹ còn sống đã có ý kiến cho ông Ngô Phước K nên ông T1 không tranh chấp, nếu được chia thừa kế phần đất này thì ông T1 cũng không nhận mà giao lại cho ông K. Đối với thừa đất số 98 ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.4] Căn cứ GCN QSDĐ số 41020900884QSDĐ/509QĐ-UB do UBND huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Đ1 ngày 18/10/1993 đối với 12.150m², thuộc các thửa 489 (300m²), 493 (300m²), 494 (3.700m²), 490 (1.800m²), 500 (2.400m²), 865 (1.500m²), 1075 (2.150m²), tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre có cơ sở xác định trước đây bà Đ1 được cấp GCN 12.150m².

Năm 2007, ông T2 qua đời, không để lại di chúc.

Ngày 13/02/2009, UBND huyện C, tỉnh Bến Tre cập nhật tại GCN QSDĐ số 41020900884QSDĐ/509QĐ-UB nội dung: tặng cho bà Ngô Thị C thửa số 1075 diện tích 2.150m², diện tích còn lại 10.000m² (BL 199).

Ngày 08/10/2010, UBND huyện C cấp đổi GCN QSDĐ số 000206 cho cụ Đ1 thửa đất số 98 (số thửa cũ theo GCN QSDĐ năm là thửa số 865), diện tích 1.693,5m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa (BL 42).

Ngày 08/10/2010, UBND huyện C đổi cấp GCN QSDĐ số 000207 cho cụ Đ1 thửa đất số 76 (số thửa cũ theo GCN QSDĐ là thửa số 489 + 490), diện tích 2.416,5m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 2.116,5m² (BL 203).

Như vậy, phần đất đang tranh thửa đất số 76 (2.416,5m²) và thửa đất số 98(1.693,5m²) tổng cộng 4.110m² đang tranh chấp thuộc một phần diện tích 12.150m² bà Đ1 được cấp GCN QSDĐ năm 1993. Ngoài phần đất 4.110m² đang chấp và 2.150m² thuộc thửa 1075 bà Đ1 đã tặng cho bà C vào năm 2009 thì GCN QSDĐ năm 1993 còn lại 6.400m² thuộc các thửa thửa 493 (300m²), 494 (3.700m²), 500 (2.400m²).

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn trình bày trước đây ông Đ đã được bà Đ1 cho 2.000m² đất mặt tiền huyện lộ 173 nay là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phía ông Đ thừa nhận trước đây có được cha mẹ tặng cho một phần đất khác ngoài phần đất đang tranh chấp.

Do đó, đề vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để cần xác minh, thu thập chứng cứ xác định 6.400m² thuộc các thửa thửa 493 (300m²), 494 (3.700m²), 500 (2.400m²) theo GCN QSDĐ cấp cho bà Đ1 năm 1993 đã được chia, tặng cho, chuyển nhượng cho các con của bà Đ1, ông T2 hay chưa và ông Đ có được tặng cho hay không. Xác minh ông Đ có đứng tên sử dụng thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre hay không, nguồn gốc thửa đất này có phải do bà Đ1, cụ T2 để lại hay không.

Trong trường hợp xác định sau khi cụ T2 chết, cụ Đ1 đã chia cho những người con ở Việt Nam, trong đó ông Đ đã được chia 2.000m² như lời trình bày của 8/10 người thừa kế là đúng thì cần áp dụng Án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao:

“Khái quát nội dung án lệ:

- Tình huống án lệ:

Nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng mà một người chết trước. Người còn lại và các thừa kế của người chết trước đã thống nhất phân chia nhà, đất. Thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào.

Việc phân chia nhà, đất đã được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai. Sau khi người còn lại chết mới phát sinh tranh chấp.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, phải xác định nhà, đất đó đã chuyển thành quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của các cá nhân. Những người này chỉ có quyền khởi kiện đòi lại nhà, đất được chia đang bị người khác chiếm hữu, sử dụng bất hợp pháp mà không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà, đất”.

[3.5] Đồng thời tại cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến hồ sơ cấp GCN QSDĐ năm 1993 cho bà Đ1 tuy nhiên hồ sơ do UBND huyện C cung cấp chưa thể hiện nguồn gốc 12.150m² cấp GCN cho bà Đ1. Do đó, cần xác minh nguồn gốc phần đất 12.150m² bà Đ1 được cấp GCN QSDĐ năm 1993 là do bà Đ1, ông T2 nhận chuyển nhượng QSDĐ hay có nguồn gốc do bà Đường đ cha mẹ tặng cho, xác minh quá trình đăng ký kê khai từ trước năm 1975 để xác định rõ nguồn gốc phần đất 12.150m² mà bà Đường được cấp GCN QSDĐ năm 1993 từ đó mới có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có phải là di sản của bà Đ1, ông T2 hay không mới có đủ cơ sở giải quyết vụ án.

[3.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Quân T1 trình bày thừa đất số 76 khi cha mẹ còn sống đã có ý kiến cho ông Ngô Phước K nên ông T1 không tranh chấp, nếu được chia thừa kế phần đất này thì ông T1 cũng không nhận mà giao lại cho ông K. Đối với thừa đất số 98 ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông T1 có yêu cầu chia thừa kế thừa 98 theo quy định pháp luật. Do đó, trong trường hợp xác định phần đất tranh chấp là di sản của cụ T2, cụ Đ1 và chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đ thì cần phải chia thừa kế cho ông T1. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do ông T1 không có đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu được nhận thừa kế nên không chia thừa kế cho ông T1 mà ghi nhận ông T1 có quyền khởi kiện trong vụ án khác là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.7] Xét thấy, do có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm (khách quan), cần phải xác minh, thu thập thêm tài liệu chứng cứ mới có đủ cơ sở giải quyết vụ án nhưng tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nhằm đảm bảo vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để và đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử.

[3.8] Đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[3.9] Từ các nhận định nêu trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Quảng Đ2, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H2, hủy Bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, chuyển hồ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Quanh Đ2, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1. Hủy bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ngô Quanh Đ2, bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Ngô Quanh Đ2, bà Ngô Thị C mỗi người 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003203 ngày 20/12/2023 (Ngô Quanh Đ) và biên lai số 0003210 ngày 28/12/2023 (Ngô Thị C – do Ngô Thị H nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; ĐTM.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thúy Cầu

Hoàng Minh Thịnh

Vũ Đức Toàn